

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19 /2019/HS-ST

Ngày 27- 8 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Sang

Ông Huỳnh Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phi Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 08 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Võ Hoàng N** (T Chó), sinh năm 1998, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 168A, khu phố X, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Võ N Th, sinh năm 1970 và bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1974; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 28 tháng 4 năm 2017 đi trại cai nghiện bắt buộc tại xã T Xuân, huyện B tỉnh Bến Tre theo quyết định số 28/QĐ-TA ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Đến ngày 28/7/2018 chấp hành xong. Bị tạm giam từ ngày 10/11/2018 cho đến nay, (có mặt);

2. **Võ Văn H** (L), sinh năm 1988, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số xxxC, khu phố x, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 và bà Võ Hồng T, sinh năm 1966; tiền án: 02 tiền án. Bản án số 62/2019/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm tù về “Tội cướp T2 sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản án số 33/2013/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 05 năm tù về “Tội cướp T2 sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt

tù vào ngày 21/11/2017; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 cho đến nay, (có mặt);

3. Lê Nhật T (T Ngáo), sinh năm 1997, tại tỉnh Bến Tre; đăng ký thường trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Thành C sinh năm 1965 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1968; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2018 cho đến nay, (có mặt);

4. Lê Quốc B (T Đỏ), sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; đăng ký thường trú: số 09/1 L, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm Tê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Hoàng Th, sinh năm 1964 và bà Mai Thị Thanh Th, sinh năm 1966; có một con sinh năm 2019; tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 03/2008/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre xử phạt bị cáo 11 năm 09 tháng tù về các tội “Cướp tài sản”, “Cướp giật tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2018; tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam H85- Quân khu 9 trong vụ án khác, (bị cáo cho rằng đã bị xét xử vào ngày 16/8/2019 với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, (có mặt);

5. Nguyễn Huỳnh T (C Em), sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; đăng ký thường trú: số xxx, ấp P2, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1968; vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1993; bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: 02 tiền sự. Ngày 28 tháng 4 năm 2017 đi Trại cai nghiện tại xã T Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre theo quyết định số 39/QĐ-TA ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B thời hạn 12 tháng. Ngày 17 tháng 10 năm 2018 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Ủy ban nhân dân xã H áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn thời hạn 03 tháng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 01 năm 2019, chuyển tạm giam từ ngày 02 tháng 02 năm 2019 đến ngày 29 tháng 4 năm 2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt);

- Bị hại:

1. Võ Thanh S, sinh năm 1986; Nơi cư trú: số XX C1, khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Trần Hoài V, sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;

3. Phạm Hồng T, sinh năm 1959; Nơi cư trú: số xxx, khu phố B, Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt);

4. Phạm Thanh S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, có mặt;

5. Bùi Chí Nh, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt);

6. Nguyễn Văn B; sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp CH, xã PN, huyện G, tỉnh Bến Tre, có mặt;

7. Công ty trách nhiệm hữu hạn X:

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lee Saow Mui, quốc tịch Malaysia

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Tuấn Kh, sinh năm 1969; Nơi cư trú: số XXX, khu phố X, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre, có mặt;

8. Trần Quốc Gi, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp TK, xã MH, huyện TP, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt);

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Xuân V, sinh năm 1990; Nơi cư trú: số xxxA2, khu phố B, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre, vắng mặt;

2. Châu Trần Thanh T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/9/2018 đến 09/11/2018, Võ Hoàng N (tên thường gọi T) cùng Võ Văn H (tên thường gọi L), Lê Nhật T (tên thường gọi T Ngáo), Lê Quốc B (tên thường gọi T Đỏ) và Nguyễn Huỳnh T (tên thường gọi C Em) đã thực hiện 03 vụ cướp tài sản, 01 vụ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và 05 vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố B, huyện C, huyện G và huyện C, tỉnh Bến Tre. Cụ thể như sau:

*** Hành vi cướp tài sản:**

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 11/10/2018, Trần N L, sinh ngày 15/02/2002, cư trú tại số XXXB Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre sử dụng xe mô tô của gia đình chở Võ Hoàng N và Lê Nhật T đi trên đường Hùng Vương từ hướng Phường x đến Phường x, thành phố B. Khi đến đoạn trước nhà số xxxD1, Khu phố x, Phường x, thành phố B, N nhìn thấy anh Võ Thanh S, sinh năm 1986, cư trú tại số XXC1, Khu phố X, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre đang nằm ngủ trên ghế đá bên cạnh có dựng một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số xxBx-xxx.xx nên N nảy sinh ý định lấy trộm. Khi đi qua vị trí anh S nằm khoảng 40 mét N kêu L dừng xe lại, N xuống xe và lén lút đi đến vị trí xe mô tô xxBx-xxx.xx đang dựng, dùng đoản mở khóa xe. Khi N vừa mở khóa xe thì anh S nghe tiếng động nên thức dậy, lúc này N lấy bình xịt hơi cay trong túi áo khoác xịt nhiều lần vào mặt anh S rồi điều khiển xe mô tô xxBx-xxx.xx chạy về hướng chợ Bến

Tre. Sáng hôm sau, N cùng Lê Nhật T đem xe đến tỉnh Long An bán cho một người không rõ lai lịch được 8.000.000 đồng. N chia T 500.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá số 1342/KL-HĐĐG ngày 21/12/2018 của Hội đồng định giá thành phố B kết luận xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx giá trị còn lại là 12.950.000 đồng.

Trong vụ này, Lê Nhật T tuy không tham gia nhưng biết rõ chiếc xe mô tô xxBx-xxx.xx do N phạm tội mà có và T cùng N đem xe này đi Long An bán lấy tiền chia nhau nên T có hành vi “Tiêu thụ T2 sản do người khác phạm tội mà có”.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12 tháng 10 năm 2018, Võ Hoàng N rủ Võ Văn H đến nhà của Nguyễn Huỳnh T ở ấp P2, xã H, thành phố B. N gọi điện thoại cho Lê Nhật T mượn xe mô tô của T2 đến đón. Sau đó, H điều khiển xe chở N ngồi giữa, T ngồi sau đi đến nhà T2. Trên đường đi đến gần ngã ba H, T và N bàn bạc với nhau đi trộm, cướp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, T hỏi N có đem “đồ” theo không, N trả lời có nên T mò vào túi áo khoác của N lấy bình xịt hơi cay cất giữ. Khi T lấy bình xịt hơi cay trong túi áo thì N không có phản ứng gì. Khi đến khu vực ngã ba H thuộc ấp P, xã H thì T nói H dừng xe, T xuống xe đi bộ và nói N: “Tao lấy được hay không được thì cũng điện thoại cho mày rước”, N biết là T sẽ lấy chiếc xe mô tô dựng bên hông nhà bà Nguyễn Thị Lê Th mà T và N nhiều lần có ý định lấy chiếc xe này nhưng chưa có cơ hội. Sợ H biết nên N liền nói dối với H là T đi về nhà, sau đó H chở N về nhà của T2. Khi T đi đến trước nhà bà Th định lấy trộm xe mô tô biển số xxCx.xxx.xx thì gặp anh Trần Hoài V là chủ xe, sinh năm 1999, cư trú tại ấp Thanh S 1, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre đang ngồi phía trước nhà, V hỏi T đi đâu thì T biết V đã phát hiện nên T vội hỏi V có chạy xe ôm không để chở T về Chợ M, huyện G. Anh V đồng ý và lấy xe mô tô của mình nhãn hiệu Honda Wave biển số xxCx.xxx.xx chở T đi, để thực hiện hành vi phạm tội, T nói dối có Cảnh sát giao thông đóng chốt ở cầu Chệt Sậy nên hướng dẫn V đi đường tắt nhanh hơn. Theo hướng dẫn của T thì V điều khiển xe mô tô vào lộ Bờ Đắp và tiếp tục đi vào con hẻm nhỏ gần đình Phú Tự thộc ấp P2, xã H, thành phố B, T kêu anh V dừng xe để nghe điện thoại. Khi xe dừng, T lấy bình xịt hơi cay xịt vào mặt anh V, do bất ngờ, anh V không có khả năng phản ứng nên T lấy xe mô tô tẩu thoát và điện thoại cho N rồi cả hai cùng chạy xe đến Phường X, thành phố B về nhà trọ ngủ. Hôm sau, T cùng N chạy xe vừa cướp được đến tỉnh Long An bán cho người không rõ lai lịch giá 8.000.000đ (tám triệu đồng), T và N chia nhau mỗi người 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Tại bản Kết luận định giá số 1254/KL-HĐĐG ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá thành phố B kết luận xe mô tô biển số xxCx.xxx.xx giá trị còn lại là 12.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 09 tháng 11 năm 2018, Võ Văn H, sinh ngày 15/8/1988, cư trú số XXXC, Khu phố X, Phường X, thành phố B và Võ Hoàng N bàn bạc với nhau cùng đi cướp tài sản. N cất giấu bình xịt hơi cay trong người,

H chở N bằng xe mô tô hiệu Wave màu trắng không rõ biển số mượn của Lê Quốc B. Khi đi đến khu vực Khu phố X, phường Phú T, thành phố B cả hai phát hiện bà Phạm Hồng T, sinh năm 1959, cư trú tại số xxxA, khu phố B, Phường x, thành phố B đang điều khiển xe mô tô biển số xxVx-xxxx, có để một giỏ xách ở giữa бага xe. H liền điều khiển xe mô tô chở N chạy theo ép và cúp đầu xe làm cho bà T phải dừng xe lại, N bước xuống xe dùng bình xịt hơi cay mang theo xịt nhiều lần vào mặt bà T rồi lấy giỏ xách lên xe do H điều khiển, khi về đến nhà H cả hai mở túi xách bà T có 3.500.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Iphone 6S, hai tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 01 USD (một đô là Mỹ). Số tiền 3.500.000 đồng, N chia cho H 1.700.000 đồng. Riêng chiếc điện thoại Iphone 6S bị cáo đưa cho Lê Quốc B nhờ cất giữ (tài sản đã được T hồi trả cho bị hại).

Kết luận định giá tài sản số 1254 ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận:

- Một giỏ sách bằng vải màu xanh giá 20.000 đồng;
- Một bóp vải màu xanh giá 15.000 đồng;
- Một áo bông nữ giá 20.000 đồng;
- Một khăn tắm màu xanh giá: 5.000 đồng;
- Một điện thoại Iphone 6S giá 3.300.000 đồng.

Tỷ giá USD ngày 09/11/2018 theo Thông báo số 338/TB-NHNN là 1USD = 22.723 VNĐ.

Tổng giá trị tài sản mà H và N đã cướp của bà T là 6.905.446 đồng.

*** Hành vi trộm cắp tài sản:**

Vụ thứ nhất: Vào ngày 28/09/2018, Lê Nhật T rủ Võ Hoàng N đi đến địa bàn huyện G, tỉnh Bến Tre tìm tài sản để trộm cắp, N đồng ý. T mượn xe mô tô của Nguyễn Huỳnh T làm phương tiện. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở N đi từ xã H, thành phố B đến khu vực thuộc ấp CH, xã PN, huyện G, tỉnh Bến Tre, T phát hiện xe mô tô biển số xxHx-xxx.xx thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn B, đăng ký thường trú: ấp CH, xã PN, huyện G, tỉnh Bến Tre đang dựng trong bờ vườn không người trông coi, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T tiếp tục điều khiển xe tới một đoạn khoảng 100m thì dừng lại mua nước uống. Sau đó, N điều khiển xe chở T quay lại vị trí xe xxHx-xxx.xx, N dừng xe lại đưa cho T cây đoản bằng kim loại rồi ở bên ngoài cảnh giới, T đi vào bờ vườn dùng cây đoản bẻ khóa điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được cùng N tẩu thoát về thành phố B. Sau đó, T đem xe vừa trộm được đến tỉnh Long An bán cho người không rõ lai lịch với giá 5.500.000 đồng, T và N chia nhau tiêu xài.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận: xe mô tô biển số xxHx-xxx.xx trị giá 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 15/10/2018, Nguyễn Huỳnh T2; cùng với Võ Hoàng N điều khiển xe gắn máy không rõ biển số đến công ty trách nhiệm

hữu hạn Chế biến dừa do bà Lee Saow Mui, quốc tịch Malaysia làm chủ mục đích tìm tài sản để lấy trộm. T2 cho xe đậu bên ngoài công ty, còn N đi bộ vào cổng, đến miếu thờ trước sân lấy hai con hạc (bằng kim loại màu vàng) mang ra cổng công ty rồi cùng với T2 đem 2 con hạc về giấu ở nhà T2. Hai ngày sau T2 và N đem bán cho Đỗ TT, nơi cư trú: ấp Kinh Cũ, xã PN, huyện G, tỉnh Bến Tre được 700.000 đồng. T2 chia cho N 300.000 đồng. Quá trình điều tra Đỗ TT đã giao nộp 2 con hạc cho Cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại.

Theo kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre, giá trị của 2 con hạc là 3.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào đêm 30 tháng 10 năm 2018, Phạm Xuân V (tên thường gọi là Cọ), sinh năm 1990, cư trú tại số xxxA2, khu phố B, Phường x, thành phố B chở Võ Hoàng N bằng xe mô tô trên đường huyện lộ 34 về hướng thành phố B. Khi đến khu vực ấp M, xã P, huyện C thì phát hiện anh Phạm Thanh S, sinh năm 1988, cư trú ấp M bị say rượu nằm bên lề đường huyện lộ 34, bên cạnh có một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số xxBx-xxx.xx. Võ Hoàng N nảy sinh ý định lấy trộm nên vừa qua một đoạn thì N kêu V dừng xe cho N xuống. Sau khi V chạy xe đi khỏi, N đi đến vị trí xe mô tô xxBx-xxx.xx thấy có gắn sẵn chìa khóa nên N điều khiển xe chạy về thành phố B. Hôm sau, N mang xe đến tiệm game của ông Lê Văn U, sinh năm 1961, cư trú tại Số xx/1D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre để chơi game bắn cá, bị thua hết tiền nên N cầm cổ xe mô tô này cho Lê Quốc B lấy số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Sau đó, N không có tiền chuộc xe nên B đã bán xe cho một người tên T không rõ lai lịch và địa chỉ với giá 7.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 52/BKL-HĐĐG ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận giá trị xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx tại thời điểm ngày 30 tháng 10 năm 2018 là 14.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào đêm ngày 03 rạng ngày 04/11/2018, Võ Hoàng N cùng Lê Hoàng A, sinh năm 1995, đăng ký thường trú: ấp T, xã TN, huyện M, tỉnh Bến Tre đi ngang quán “Làng nướng Biển Đêm” ở khu phố B, phường x, thành phố B thì thấy xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu S xanh bạc đen của anh Bùi Chí Nh, sinh năm 1986; đăng ký thường trú: ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre dựng trên bãi đất trống kế bên quán mà không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Khi đó, A đứng ngoài cảnh giới, còn N đi vào lấy xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx của N. Sau đó, N và A đem xe cầm cho Lê Quốc B, sinh năm 1989; đăng ký thường trú: xx/1, Lê Quý Đôn, phường x, thành phố B được 6.000.000 đồng, cả hai chia nhau tiêu xài. Do N không có tiền chuộc xe nên B bán lại chiếc xe này cho người tên T không rõ lai lịch và địa chỉ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1344/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B, kết luận xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx tại thời điểm ngày bị trộm cắp có giá trị là 17.100.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 05 giờ ngày 06/11/2018 Võ Hoàng N mượn xe mô tô biển số xxHx-xxx.xx của Lê Quốc B đang chơi game ở khu vực xã B, thành phố B chạy từ hướng thành phố B đến huyện C chơi. Khi đến khu vực thuộc ấp PT, xã TP, huyện C thì phát hiện bên trong nhà nghỉ HT có dựng 01 chiếc xe hiệu mô tô Exciter biển số xxCx-xxx.xx của anh Trần Quốc Gi, đăng ký thường trú: ấp TK, xã MH, huyện TP, tỉnh Bến Tre không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N điều khiển xe quay về rú B đi trộm chiếc xe mô tô trên, B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô xxHx-xxx.xx chở N đi đến nhà nghỉ HT, đến nơi N đi vào trong dẫn xe mô tô xxCx-xxx.xx ra ngoài, do xe không có chìa khóa nên N ngồi lên xe vừa trộm được cho B đẩy về thành phố B, B gọi điện thoại cho Châu Trần Thanh T, đăng ký thường trú: ấp B, xã M, thành phố B để nhờ T tháo ổ khóa đem đi làm chìa khóa mới. Sau đó, B liên hệ với một người tên T (không rõ địa chỉ) bán với giá 7.000.000 đồng, B lấy 3.000.000 đồng, chia cho N 3.000.000 đồng và cho Châu Trần Thanh T 1.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá số 1497/KL/HĐĐG ngày 29/12/2018 của Hội đồng định giá huyện C kết luận xe mô tô biển số xxCx-xxx.xx giá trị còn lại là 21.292.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ của Võ Hoàng N: 01 (một) bình xịt hơi cay cao 13 cm, đường kính 3 cm, nắp đậy bằng nhựa màu trắng có chữ Sonako; 01 (một) tua vít đầu dẹp dài 10cm, phần tay cầm bằng nhựa màu xanh; 01 (một) ống điều bằng kim loại dùng để mở ốc có hình chữ L dài 11cm; 02 (hai) đoạn kim loại giống nhau dài 04cm, một đầu dẹp, một đầu lục giác; (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 22 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre); 01 (một) bốp da màu đen; 01 (một) mũ thể thao có quai màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 35 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre).

+ Thu giữ của Võ Văn H: 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát xxHx-xxxxx, màu S đen, số máy VTTJL1P52FMHN033148, số khung RRRKWCHOU8XP 33148 (xe đã giao cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre xử lý); 01 (một) dao xếp bằng kim loại dài 20cm, phần cán dao dài 08cm, mũi dao nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 02cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 22 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre).

+ Thu giữ của Lê Quốc B: 01 (một) xe mô tô biển số xxHx-xxxxx, kiểu dáng Dream, màu S nâu, bửng xe màu trắng, số khung C100M-5029225, số máy C100ME-5029225 (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 22 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre).

* Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P3 ngày 18/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Võ Hoàng N(T) “Tội cướp tài sản” theo

điểm d, khoản 2 Điều 168 và “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Lê Nhật T (T Ngáo) “Tội cướp tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 168, “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Võ Văn H “Tội cướp tài sản” theo điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Lê Quốc B (Tý đỏ) “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Huỳnh T (Cu Em) “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ đã được thu thập.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Võ Hoàng N, Võ Văn H, Lê Nhật T và Nguyễn Huỳnh T2. Rút một phần truy tố đối với bị cáo Lê Quốc B do bị cáo phạm tội lần này không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, rút truy tố từ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự xuống khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng điều luật, tội danh và hình phạt đối với các bị cáo như sau:

1. Áp dụng: Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ Hoàng N từ 08 năm đến 09 năm tù về “Tội cướp tài sản”. Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Võ Hoàng N từ 03 năm đến 04 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Tổng Hợp hình phạt cho hai tội từ 11 năm đến 13 năm tù;

2. Áp dụng: Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Nhật T từ 07 năm đến 08 năm tù về “Tội cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Nhật T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Nhật T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng Hợp hình phạt cho ba tội từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù;

3. Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Võ Văn H từ 07 năm đến 08 năm tù giam về “Tội cướp tài sản”.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Quốc B từ 12 đến 18 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

5. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T từ

06 tháng đến 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ khi bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 05 bị cáo do các bị cáo chưa có công ăn việc làm ổn định;

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị tòa tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bị cáo Võ Hoàng N và Lê Nhật T: Phải bồi thường cho anh Võ Thanh S số tiền tương ứng giá trị chiếc xe mô tô là 12.950.000 đồng. Chia ra T bồi thường 500.000 đồng, N bồi thường 12.450.000 đồng. Bồi thường cho anh Trần Hoài V số tiền tương ứng giá trị chiếc xe mô tô là 12.000.000 đồng. Chia ra T bồi thường 6.000.000 đồng, N bồi thường 6.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn B số tiền tương ứng giá trị chiếc xe mô tô là 3.000.000 đồng. Chia ra T bồi thường 1.500.000 đồng, N bồi thường 1.500.000 đồng. Bị cáo N phải bồi thường cho anh Phạm Thanh S số tiền tương ứng giá trị chiếc xe mô tô là 14.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Bùi Chí Nh số tiền tương ứng giá trị chiếc xe mô tô là 17.100.000 đồng.

- Bị cáo Võ Hoàng N và Lê Quốc B: Phải bồi thường cho anh Trần Quốc Gi số tiền tương ứng giá trị chiếc xe mô tô là 21.292.000 đồng. Chia ra N bồi thường 10.646.000 đồng, B bồi thường 10.646.000 đồng trừ 1.500.000 đồng đã khắc phục trước, sau đó gia đình bị cáo tiếp tục nộp 9.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại tổng cộng là 10.500.000 đồng, còn lại phải bồi thường số tiền là 146.000 đồng.

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bến Tre đã T hỏi và trả lại T2 sản cho hai bị hại Phạm Hồng T và Đặng Thị N (Bà N là người được ủy quyền của bà Lee Saow Mui) xong.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bình xịt hơi cay cao 13 cm, đường kính 3 cm, nắp đậy bằng nhựa màu trắng có chữ Sonako;

+ 01 (một) tua vít đầu dẹp dài 10cm, phần tay cầm bằng nhựa màu xanh;

+ 01 (một) ống điều bằng kim loại dùng để mở ốc có hình chữ L dài 11cm;

+ 02 (hai) đoạn kim loại giống nhau dài 04cm, một đầu dẹp, một đầu lục giác;

+ 01 (một) bóp da màu đen; (T giữ của Võ Hoàng N).

+ 01 (một) dao xếp bằng kim loại dài 20cm, phần cán dao dài 08cm, mũi dao nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 02cm (T giữ của Võ Văn H).

+ 01 (một) xe mô tô biển số xxHx-xxxxx, kiểu dáng Dream, màu S nâu, bửng xe màu trắng, số khung C100M-5029225, số máy C100ME-5029225 (tạm giữ của Lê Quốc B). Do xe không rõ nguồn gốc, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ 01 (một) mũ thể thao có quai màu đen, kết nón và viền nón màu đen, có sọc trắng ở giữa, bên trái của sọc trắng ở giữa là màu sọc đỏ, bên phải của sọc trắng ở giữa là màu sọc xanh (tạm giữ của Võ Hoàng N).

- Đề nghị tuyên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei (tạm giữ của Võ Hoàng N).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO (tạm giữ của Võ Văn H).

Lời nói sau cùng các bị cáo đều yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định.

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/9/2018 đến 09/11/2018, Võ Hoàng N cùng Võ Văn H, Lê Nhật T, Lê Quốc B và Nguyễn Huỳnh T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn thành phố B, huyện C, huyện G và huyện C, tỉnh Bến Tre. Cụ thể như sau:

*** Thực hiện hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản:**

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 11/10/2018, Võ Hoàng N thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại đoạn trước nhà số xxxDx, Khu phố x, Phường x, thành phố B, đối với anh Võ Thanh S, đang nằm ngủ trên ghế đá bên cạnh có dựng một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số xxBx-xxx.xxN đến vị trí xe mô tô xxBx-xxx.xx đang dựng, dùng đoản mở khóa xe. Khi N vừa mở khóa xe thì anh S nghe tiếng động nên thức dậy, N lấy bình xịt hơi cay xịt nhiều lần vào mặt anh S làm anh S không không kháng cự N chiếm đoạt xe mô tô xxBx-xxx.xx chạy đi, xe trị giá là 12.950.000 đồng. Sáng hôm sau, N cùng Lê Nhật T đem xe đến tỉnh Long An bán cho một người không rõ lai lịch được 8.000.000 đồng. N chia T 500.000 đồng. T biết xe do N phạm tội mà có.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12 tháng 10 năm 2018, Võ Hoàng N cùng Lê Nhật T và Hùng trên đường đi đến ngã ba H, T và N bàn với nhau đi trộm, cướp tài sản của người khác, T hỏi N có đem “đồ” theo không, N trả lời có nên T lấy bình xịt hơi cay của N cất giữ. Khi đến khu vực thuộc ấp P, xã H T xuống xe đi bộ và nói N: “Tao lấy được hay không được thì cũng điện thoại cho mày rước”, T đi đến trước nhà bà T định lấy xe mô tô biển số xxCx.xxx.xx thì gặp anh

Trần Hoài V là chủ xe, V hỏi T đi đâu, T biết bị phát hiện nên vội hỏi V có chạy xe ôm không để chở T về Chợ M. Theo hướng dẫn của T thì V điều khiển xe vào con hẻm nhỏ gần đình Phú Tự thuộc ấp P2, xã H, thành phố B, T kêu anh V dừng xe để nghe điện thoại. Khi xe dừng, T lấy bình xịt hơi cay xịt vào mặt anh V, xong T lấy xe mô tô tẩu thoát và điện thoại cho N rồi cả hai cùng chạy xe đến Phường 6, thành phố B thuê nhà trọ ngủ. Hôm sau, T cùng N chạy xe cướp được đến tỉnh Long An bán giá 8.000.000 đồng, T và N chia mỗi người 4.000.000 đồng. Xe trị giá 12.000.000 đồng. N không tham gia chiếm đoạt xe nhưng biết T sẽ lấy chiếc xe mô tô dựng bên hông nhà bà Nguyễn Thị Lệ T mà T và N nhiều lần có ý định lấy chiếc xe này nhưng chưa có cơ hội và T sẽ dùng bình xịt hơi cay khi có chống cự. Sau khi T chiếm đoạt được xe N biết xe do T chiếm đoạt của người khác và cùng nhau đi bán và chia nhau tiền. Hành vi và ý thức của N là đồng phạm với T.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 09 tháng 11 năm 2018, Võ Văn H và Võ Hoàng N bàn nhau cùng đi cướp tài sản. N giữ bình xịt hơi cay, H chở N bằng xe mô tô mượn của Lê Quốc B. Khi đi đến khu vực Khu phố x, phường Phú T, thành phố B cả hai phát hiện bà Phạm Hồng T đang điều khiển xe mô tô biển số xxVx-xxxx, H điều khiển xe theo ép và cúp đầu xe làm cho bà T phải dừng xe, N bước xuống xe dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt bà T rồi lấy giỏ xách lên xe tẩu thoát. N, H kiểm tra túi xách có 3.500.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Iphone 6S, hai tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 01 USD (một đô là Mỹ) và số đồ cá nhân khác. Số tiền 3.500.000 đồng, N chia cho H 1.700.000 đồng. Riêng chiếc điện thoại Iphone 6S đưa cho Lê Quốc B nhờ cất giữ đã T hồi. Tổng giá trị tài sản mà H và N đã cướp của bà T là 6.905.446 đồng.

*** Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản:**

Vụ thứ nhất: Vào ngày 28/09/2018, Lê Nhật T cùng Võ Hoàng N đi đến khu vực thuộc ấp CH, xã PN, huyện G, tỉnh Bến Tre, chiếm đoạt xe mô tô biển số xxHx-xxx.xx của ông Nguyễn Văn B dựng trong bờ vườn. Sau đó, T đem xe đến tỉnh Long An bán giá 5.500.000 đồng, T và N chia nhau tiêu xài. Xe trị giá 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 15/10/2018, Nguyễn Huỳnh T cùng Võ Hoàng N đến công ty trách nhiệm hữu hạn Chế biến dừa do bà Lee Saow Mui, quốc tịch Malaysia làm chủ chiếm đoạt hai con hạc trị giá 3.500.000 đồng. T2 sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại.

Vụ thứ ba: Vào đêm 30 tháng 10 năm 2018, Võ Hoàng N trên đường đi chơi về theo huyện lộ 34 về hướng thành phố B. Khi đến khu vực ấp M, xã P, huyện C thì phát hiện anh Phạm Thanh S say rượu nằm bên lề đường huyện lộ 34, N đến chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số xxBx-xxx.xx, xe trị giá 14.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào đêm 03 rạng ngày 04/11/2018, Võ Hoàng N cùng Lê Hoàng A, đi ngang quán “Làng nướng Biển Đêm” ở khu phố B, phường x, thành phố B

thấy xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu S xanh bạc đen của anh Bùi Chí Nh, N vào chiếm đoạt. Sau đó, N và A đem xe cầm cho Lê Quốc B, do N không chuộc xe nên B bán lại chiếc xe này cho người tên T không rõ lai lịch và địa chỉ. Xe trị giá 17.100.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 5 giờ ngày 06/11/2018 Võ Hoàng N cùng Lê Quốc B đến khu vực thuộc ấp PT, xã TP, huyện C chiếm đoạt xe mô tô Exciter biển số xxCx-xxx.xx của anh Trần Quốc Gi, xe trị giá 21.292.000 đồng. Mang về nhờ Châu Trần Thanh T tháo ổ khóa đem đi làm chìa khóa mới. Sau đó, B liên hệ với một người tên T bán với giá 7.000.000 đồng, B lấy 3.000.000 đồng, chia cho N 3.000.000 đồng và cho Châu Trần Thanh T 1.000.000 đồng.

Như vậy, đối với hành vi trộm cắp tài sản Võ Hoàng N thực hiện 05 vụ, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá là 58.892.000 đồng; Nguyễn Huỳnh T thực hiện 01 vụ trị giá tài sản là 3.500.000 đồng; Lê Quốc B thực hiện 01 vụ trị giá tài sản là 21.292.000 đồng; Lê Nhật T 01 vụ trị giá tài sản 3.000.000 đồng.

Về nhân thân, đối với bị cáo Lê Quốc B có hai bản án là Bản án số 90/2006/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2006 bị xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp T2 sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bản án số 03/2008/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2008. Đối với Bản án số 03/2008/HSST được xác định là tiền án, còn Bản án số 90/2006/HSST thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, nên lần này Lê Quốc B phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm” mà không phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” nên Kiểm sát viên rút một phần truy tố đối với Lê Quốc B là có cơ sở. Đối với bị cáo Võ Văn H có 02 bản án, trong đó có bản án đã xác định là tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích, lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm ở tình tiết định khung hình phạt.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà mỗi bị cáo tham gia chiếm đoạt, về nhân thân của Võ Văn H, hành vi tiêu thụ tài sản của Lê Nhật T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố:

1, Võ Hoàng N về “Tội cướp tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 168 và “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015;

2, Bị cáo Lê Nhật T về “Tội cướp tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 168; “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015;

3, Bị cáo Võ Văn H về “Tội cướp tài sản” theo điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015;

4, Bị cáo Lê Quốc B về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015;

5, Bị cáo Nguyễn Huỳnh T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản; thực hiện hành vi dùng vũ lực là công cụ hỗ trợ (bình hơi cay) xịt vào cơ thể bị hại làm cho họ rơi vào tình trạng không thể tự bảo vệ được để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có mức độ tương xứng nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo đều thành khẩn khai báo; thể hiện ăn năn hối cải, bị cáo Lê Quốc B có bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại Trần Quốc Gi và nộp thêm 9.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; bị hại Trần Hoài V yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và N; bị hại Sang yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N; bị cáo Nguyễn Thành T2 sau khi phạm tội ra đầu thú, phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, ông nội của bị cáo Nguyễn Thành T2 là liệt sĩ, bị cáo có 02 con còn nhỏ;

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Võ Hoàng N phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên. Bị cáo Lê Quốc B phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đồng ý chia phần bằng nhau được ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện việc bồi thường, cụ thể:

- Bị cáo Võ Hoàng N và Lê Nhật T: Phải bồi thường cho anh Võ Thanh S 12.950.000 đồng. Chia phần T bồi thường 500.000 đồng, N bồi thường 12.450.000 đồng; Bồi thường cho anh Trần Hoài V 12.000.000 đồng. Chia phần T bồi thường 6.000.000 đồng, N bồi thường 6.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn B 3.000.000 đồng. Chia phần T bồi thường 1.500.000 đồng, N bồi thường 1.500.000 đồng.

- Bị cáo N phải bồi thường cho anh Phạm Thanh S 14.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Bùi Chí Nh 17.100.000 đồng;

- Bị cáo Võ Hoàng N và Lê Quốc B phải bồi thường cho anh Trần Quốc Gi 21.292.000 đồng. Chia phần N bồi thường 10.646.000 đồng, B bồi thường 10.646.000 đồng trừ 1.500.000 đồng đã bồi thường còn phải bồi thường tiếp là 9.146.000 đồng.

Ghi nhận bà Phạm Hồng T và bà Đặng Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo đối với tài sản bị thu giữ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng N phạm các tội “Tội cướp tài sản” và “Tội trộm cắp tài sản”; Bị cáo Lê Nhật T phạm các tội “Tội cướp tài sản”; “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Bị cáo Võ Văn H phạm tội “Tội cướp tài sản”; Bị cáo Lê Quốc B phạm tội “Tội trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Huỳnh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng: theo điểm d, khoản 2 Điều 168; điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (cả hai tội). Xử phạt bị cáo Võ Hoàng N(T) 09 năm tù về “Tội cướp tài sản” và 04 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Võ Hoàng N phải chấp hành chung cho hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018;

1.2. Áp dụng: điểm d, khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (cả ba tội). Xử phạt bị cáo Lê Nhật T(T Ngáo) 07 năm tù về “Tội cướp tài sản”, 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt buộc Lê Nhật T phải chấp hành chung cho ba tội là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018;

1.3. Áp dụng: điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn H (L) 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018;

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Quốc B (T Đỏ) 09 (chín) tháng tù. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Việc tổng hợp hình phạt đối với bị cáo khi các bản án đã xét xử bị cáo có hiệu lực pháp luật;

1.5. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T(C Em) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù được trừ đi thời gian giam giữ trước từ ngày 30/01/2019 đến 29/4/2019 là 90 (chín mươi) ngày bằng 03 (ba) tháng;

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Buộc bị cáo Võ Hoàng N, Lê Nhật T bồi thường cho anh Võ Thanh S 12.950.000 đồng. Trong đó buộc bị cáo T nộp 500.000 (năm trăm ngàn) đồng (do tiêu thụ tài sản mà có) để bồi thường cho anh S, bị cáo N phải bồi thường cho anh S là 12.450.000 (mười hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

2.2. Buộc Võ Hoàng N và Lê Nhật T bồi thường cho Trần Hoài V 12.000.000 đồng; chia phần bằng nhau mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000 (Sáu triệu) đồng;

2.3. Buộc Võ Hoàng N và Lê Nhật T bồi thường cho Nguyễn Văn B 3.000.000 đồng, chia phần bằng nhau mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng;

2.4. Buộc Võ Hoàng N bồi thường cho Nguyễn Thanh Sang 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;

2.5. Buộc Võ Hoàng N bồi thường cho Bùi Chí Nh 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng;

2.6. Buộc Võ Hoàng N và Lê Quốc B bồi thường cho Trần Quốc Gi 21.292.000 đồng, chia phần bị cáo N phải bồi thường 10.646.000 (mười triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng; đối với Lê Quốc B phải bồi thường tiếp là 9.146.000 (chín triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng (đã nộp 9.000.000 đồng);

Ghi nhận bà Phạm Hồng T và bà Đặng Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền bồi thường nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật gồm:

+ 01 (một) bình xịt hơi cay cao 13 cm, đường kính 3 cm, nắp đậy bằng nhựa màu trắng có chữ Sonako;

+ 01 (một) tua vít đầu dẹp dài 10cm, phần tay cầm bằng nhựa màu xanh;

+ 01 (một) ống điều bằng kim loại dùng để mở ốc có hình chữ L dài 11cm;

+ 02 (hai) đoạn kim loại giống nhau dài 04cm, một đầu dẹp, một đầu lục giác;

+ 01 (một) bóp da màu đen; (T của Võ Hoàng N).

+ 01 (một) dao xếp bằng kim loại dài 20cm, phần cán dao dài 08cm, mũi dao nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 02cm (T của Võ Văn H).

+ 01 (một) mũ thể thao có quai màu đen, kết nón và viền nón màu đen, có sọc trắng ở giữa, bên trái của sọc trắng ở giữa là màu sọc đỏ, bên phải của sọc trắng ở giữa là màu sọc xanh.

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei để đảm bảo thi hành án cho Võ Hoàng N;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO để đảm bảo thi hành án cho Võ Văn H.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng gia đình Lê Quốc B đã nộp để đảm bảo thi hành án cho Lê Quốc B theo Biên lai số 0000122 ngày 26/8/2019 hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý.

Đồ vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2019 hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Võ Hoàng N, Lê Nhật T, Võ Văn H, Lê Quốc B, Nguyễn Huỳnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Võ Hoàng N phải chịu 3.084.800 (ba triệu không trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm) đồng; Lê Nhật T phải chịu 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng; Lê Quốc B phải chịu 457.300 (bốn trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm) đồng.

[5] Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo, các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

[6] Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKS nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường 1, Phường 5, Phường 8, tp Bến Tre (3b);
- UBND xã H, tp Bến Tre (1b);
- Bị hại (08b);
- Bị cáo (05b);
- Trại tạm giam CA tỉnh Bến Tre (03b);
- Trại tạm giam H85- Quân khu 9 (01b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tỉnh